



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vinam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội ngày 26/03/2026.

Vốn điều lệ của Công ty là 296.999.910.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười ngàn đồng), tương đương 29.699.991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Takishita Akira	Chủ tịch
- Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
- Ông Lê Văn Mạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên
- Bà Trần Thị Duyên	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ngô Văn Hưng	Giám đốc
- Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc
- Bà Bùi Thị Trang	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 25/03/2026

Miễn nhiệm ngày 25/03/2026

3. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này là:

- Ông Ngô Văn Hưng - Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2026).
- Ông Lê Văn Mạnh - Giám đốc Công ty (Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2026).

4. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG được bổ nhiệm là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép và lưu trữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty ngoài các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN HƯNG

Số: 29 /2026/BCSX/TTG.KD9

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Vinam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/08/2026, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được trình bày từ trang 7 đến trang 38. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Một số khoản công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là những công ty được thành lập nhưng chưa hình thành hoặc không đáng kể các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền góp vốn vào các Công ty này là 42.100.000.000 VND (thuyết minh số 5.8.3). Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm và lắp đặt các máy móc thiết bị, hệ thống phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa RIS-PACS theo các hợp đồng cho thuê, hợp tác liên kết với bệnh viện, trung tâm y tế đến thời điểm 30/6/2026 là 9.051.563.865 VND (Số dư tại ngày 31/12/2025 là 9.051.563.865 VND, thuyết minh số 5.9). Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê các máy móc thiết bị này, đồng thời không thu thập được thư xác nhận về việc đặt máy, thiết bị tại các bệnh viện. Việc hợp tác kinh doanh này đến hiện tại chưa được triển khai. Bằng các thủ tục kiểm toán hiện hành áp dụng, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các tài sản, tính khả thi của dự án hợp tác kinh doanh cũng như hiệu quả kinh tế mà các dự án có thể mang lại cho Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 (công ty con) đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế thuế do tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp theo quy định. Bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khả năng thực hiện hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đưa ra kết luận ngoại trừ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ về vấn đề kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, máy móc thiết bị và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này về vấn đề đánh giá được tính hợp lý của việc đầu tư vào Công ty liên kết, thực hiện trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con (nếu có) và kiểm kê máy móc thiết bị.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN PKF-TTG



Nguyễn Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2305-2023-330-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Mẫu số B 01a – DN

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.300.378.564	12.678.675.643
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	391.118.272	250.154.499
Tiền	111		391.118.272	250.154.499
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		35.799.713	35.799.713
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.799.713)	(35.799.713)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.902.827.804	6.916.833.304
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.140.613.000	13.450.770.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.3	180.998.304	191.448.304
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.4	(9.418.783.500)	(6.725.385.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.237.740.422	4.697.700.422
Hàng tồn kho	141		1.237.740.422	4.697.700.422
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		768.692.066	813.987.418
Thuế GTGT được khấu trừ	162		768.692.066	809.987.418
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.11	-	4.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		365.167.816.499	366.757.279.669
II. Tài sản cố định	220	5.7	384.999.996	513.333.330
Tài sản cố định vô hình	227		384.999.996	513.333.330
- Nguyên giá	228		1.540.000.000	1.540.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.155.000.004)	(1.026.666.670)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		9.051.563.865	9.051.563.865
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.6	9.051.563.865	9.051.563.865
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.8	355.731.252.638	357.192.382.474
Đầu tư vào công ty con	261		157.408.000.000	157.408.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		189.400.000.000	189.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		15.311.000.000	15.311.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(6.387.747.362)	(4.926.617.526)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		383.468.195.063	379.435.955.312

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.279.416.996	13.600.132.345
I. Nợ ngắn hạn	310		22.279.416.996	13.600.132.345
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	8.032.073.924	8.608.413.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	699.250.000	699.250.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	2.105.556	131.546.304
Phải trả người lao động	315		629.742.120	224.839.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.12	511.888.218	350.210.136
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.13	694.264.222	680.779.072
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.14	11.665.000.000	2.860.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.092.956	45.092.956
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	361.188.778.067	365.835.822.967
Vốn góp của chủ sở hữu	411		296.999.910.000	296.999.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296.999.910.000	296.999.910.000
Thặng dư vốn	412		18.918.962.963	18.918.962.963
Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.074.004.509	49.721.049.409
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		49.721.049.409	55.969.224.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(4.647.044.900)	(6.248.175.289)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		383.468.195.063	379.435.955.312

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



PHẠM THỊ BÍCH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



BÙI THỊ TRANG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ VĂN HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	11.740.958.000	17.576.639.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.740.958.000	17.576.639.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	11.069.960.000	15.719.180.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		670.998.000	1.857.459.000
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	4.656.697	327.053.232
8. Chi phí tài chính	23	6.4	1.552.807.918	1.304.345.162
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		91.678.082	133.728.082
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	261.333.333	248.333.330
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.345.842.718	3.466.652.848
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.484.329.272)	(2.834.819.108)
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	6.7	162.715.628	585.337
14. Lợi nhuận khác	40		(162.715.628)	(585.337)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.647.044.900)	(2.835.404.445)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.647.044.900)	(2.835.404.445)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

PHẠM THỊ BÍCH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

BÙI THỊ TRANG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ VĂN HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(4.647.044.900)	(2.835.404.445)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		128.333.334	128.333.334
Các khoản dự phòng	03		4.154.528.336	3.942.089.580
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.635.000)	(327.025.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(21.697)	(28.232)
Chi phí đi vay	06		91.678.082	133.728.082
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(277.161.845)	1.041.693.319
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.629.462.648)	(4.476.896.141)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.459.960.000	1.309.180.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(95.342.111)	13.256.344.734
Chi phí đi vay đã trả	14		-	(173.229.862)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(122.051.320)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.664.057.924)	10.957.092.050
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.600.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.666.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.697	770.958.255
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.697	(3.897.641.745)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		9.955.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.150.000.000)	(7.009.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.805.000.000	(7.009.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		140.963.773	50.450.305
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	250.154.499	266.181.409
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	391.118.272	316.631.714

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

PHẠM THỊ BÍCH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

BÙI THỊ TRANG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ VĂN HƯNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội ngày 26/03/2026.

Vốn điều lệ của Công ty là 296.999.910.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn), tương đương 29.699.991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CVN từ ngày 06/08/2010. Ngày 30/05/2025, Công ty đã hủy niêm yết trên sàn HNX và từ ngày 11/06/2025, Công ty thực hiện giao dịch trên sàn UPCOM.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ, trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

+ Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và chuyên nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước;

+ Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;

+ Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: + Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có công ty con và các công ty liên doanh, liên kết và các công ty đầu tư khác cụ thể như sau:

Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Lô A15, Cụm CN Nam Sơn, Xã Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99,88%	99,88%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Số 173 Cô Giang, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh	81,2%	81,2%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 (*)	Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ	98%	98%	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại

Các Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường.

(*) Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 (Công ty con) đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế thuế do tiền nợ thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp theo quy định.

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Pháp Vân	Tầng 1, Lô BT 5, Số 18 KĐT mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP Hà Nội, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Famicare Pháp Vân (*)	Tầng 1, Lô BT 5, Số 17 KĐT mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP Hà Nội, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hưng Yên	Tầng 1, Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Dương	Tầng 1, Số 274 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	21,83 %	21,83 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Famicare Hưng Yên (*)	Tầng 2, Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tiền Giang	368A, Ấp Phước Hoà, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Quảng Bình	Cụm 1, Tổ dân phố 14, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Vĩnh Long	Tầng trệt, Số 64/12C, Đường Trần Phú, Khóm 5, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Trà Vinh	Đường Nguyễn Đáng, Khóm 7, Phường Nguyệt Hóa, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab An Giang	177 Đường Ung Văn Khiêm, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tuyên Quang	Tầng 1, Số 23, phố Hoa Lư, Tổ 01, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (*)	Số 37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, Phường Láng, TP Hà Nội, Việt Nam	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Phòng Khám Nghệ An	Tầng 1, Số 68 đường Hồ Tông Thốc, khối 13, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Phòng	Số 65 Đường Trần Tất Văn, Phường Phù Liễn, TP Hải Phòng, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bắc Ninh	Khu phố Đĩnh, Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Quận 5	26 Tân Thành, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Famicare Đồng Nai	Số 33 đường Đồng Khởi, khu phố 7, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Gia Lai	Lô 58 Tôn Thất Tùng, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	35 %	35 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Thanh Hóa(*)	Tầng 1, 70 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	38,82%	38,82%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Famicare Hải Dương	Tầng 2, Số 274 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	15,22 %	15,22 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Famicare Quảng Bình (*)	Cụm 1, Tổ dân phố 14, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	15,22 %	15,22 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bình Dương (*)	634 Đại Lộ Bình Dương, Khu 5, Phường Phú Lợi, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,78 %	10,78 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bắc Giang	Tầng 1, Số 585 Đường Lê Lợi, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	17,34 %	17,34 %	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Famicare Hải Phòng (*)	Tầng 2, Số 65 Đường Trần Tất Văn, Phường Phù Liễn, TP Hải Phòng, Việt Nam	10%	10%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

(*) Công ty liên kết và đầu tư khác được thành lập nhưng chưa hình thành hoặc không đáng kể các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.6. Số lượng người lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 8 người. Tại thời điểm 31/12/2025, số nhân viên của Công ty là 7 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN VÀ GIẢI ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

- 2.3. Giả định cơ sở hoạt động liên tục**
Không có sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc áp dụng Thông tư 99 trong kỳ kế toán hiện tại không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán quan trọng được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của năm gần nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, hối phiếu, các khoản nợ/cho vay được doanh nghiệp mua bán lại để kiếm lời,...).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, công ty thực hiện lập dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; Khoản đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC; Các khoản kim loại quý, đá quý không sử dụng như nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc mua vào - bán ra như hàng hóa; Tranh, ảnh, tài liệu, vật phẩm có giá trị không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy các khoản đầu tư này bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận tổn thất vào chi phí tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau: Nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành/ thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các bên góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.11. Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ kế toán và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ kế toán là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, đồng thời xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán hàng trả chậm.... Tiền lãi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu (Trường hợp Công ty cổ phần) chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí hoạt động tài chính khác không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ kế toán.

4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.16. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh thương mại dịch vụ, trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Miền Bắc). Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

4.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.
- Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Tiền mặt	306.961.188	215.997.538
- Tiền gửi không kỳ hạn	84.157.084	34.156.961
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	18.801.369	18.791.957
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	52.545.763	2.296.073
+ Ngân hàng khác	12.809.952	13.068.931
Cộng	391.118.272	250.154.499

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
- Phải thu khách hàng khác	25.140.613.000	(9.418.783.500)	13.450.770.000	(6.725.385.000)
+ Công ty TNHH Kyoto F&B	13.455.405.000	(9.418.783.500)	13.450.770.000	(6.725.385.000)
+ Công ty Cổ phần Sara Việt Nam	1.811.250.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ	4.581.958.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình	5.292.000.000	-	-	-
Cộng	25.140.613.000	(9.418.783.500)	13.450.770.000	(6.725.385.000)

5.3. Phải thu khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	180.998.304	-	191.448.304	-
+ Tạm ứng	-	-	10.450.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam - Cổ tức lợi nhuận được chia	180.998.304	-	180.998.304	-
Cộng	180.998.304	-	191.448.304	-

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.4. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	13.455.405.000	4.036.621.500	13.450.770.000	6.725.385.000
Công ty TNHH Kyoto F&B	13.455.405.000	4.036.621.500	13.450.770.000	6.725.385.000
Cộng	13.455.405.000	4.036.621.500	13.450.770.000	6.725.385.000

5.5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	1.237.740.422	-	4.697.700.422	-
Cộng	1.237.740.422	-	4.697.700.422	-

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Hệ thống PACS tại các Bệnh viện, Trung tâm y tế (*)	9.051.563.865	9.051.563.865	9.051.563.865	9.051.563.865
Cộng	9.051.563.865	9.051.563.865	9.051.563.865	9.051.563.865

(*) Hệ thống máy PACS đang được lắp đặt tại các bệnh viện đến ngày 30/06/2026 là: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tỉnh An Giang và Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.540.000.000	1.540.000.000
Số dư cuối kỳ	1.540.000.000	1.540.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	(1.026.666.670)	(1.026.666.670)
Khấu hao trong kỳ	(128.333.334)	(128.333.334)
Số dư cuối kỳ	(1.155.000.004)	(1.155.000.004)
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	513.333.330	513.333.330
Tại ngày cuối kỳ	384.999.996	384.999.996

5.8. Đầu tư tài chính

5.8.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	35.799.713	-	35.799.713	(35.799.713)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang	35.799.713	-	35.799.713	(35.799.713)
Cộng	35.799.713	-	35.799.713	(35.799.713)

(*) Là các khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang, mã chứng khoán là BGM với mục đích để bán thu lợi nhuận. Mã chứng khoán bị hủy trên sàn thị trường giao dịch chứng khoán.

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.8.2 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	157.408.000.000	155.237.521.842	(2.170.478.158)	(*)	157.408.000.000	155.532.343.455
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	49.940.000.000	49.940.000.000	-	(*)	49.940.000.000	-
Công Cổ phần Công nghệ cao G7	68.600.000.000	68.600.000.000	-	(*)	68.600.000.000	-
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	38.868.000.000	36.697.521.842	(2.170.478.158)	(*)	38.868.000.000	(1.875.656.545)
Cộng	157.408.000.000	155.237.521.842	(2.170.478.158)	(*)	157.408.000.000	(1.875.656.545)

(*) Theo quy định tại Thông tư số 99/TT-BTC ngày 27/10/2025, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2026. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp		Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Lô A15, Cụm CN Nam Sơn, Xã Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	99,88 %	99,88 %	99,88 %	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
- Công Cổ phần Công nghệ cao G7	Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ, Việt Nam	98%	98%	98%	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc được phẩm thực phẩm chức năng các loại
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Số 173 Cô Giang, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	81,2%	81,2%	81,2%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.8.3 Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	189.400.000.000	185.297.771.875	(4.102.228.125)	189.400.000.000	186.442.902.032	(2.957.097.968)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Pháp Vân	10.500.000.000	10.272.777.849	(227.222.151)	10.500.000.000	10.342.036.401	(157.963.599)
- Công ty Cổ phần Famicare Pháp Vân (*)	10.500.000.000	10.429.043.808	(70.956.192)	10.500.000.000	10.438.267.649	(61.732.351)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hưng Yên	10.500.000.000	10.420.789.587	(79.210.413)	10.500.000.000	10.428.972.089	(71.027.911)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Dương	10.500.000.000	10.396.644.968	(103.355.032)	10.500.000.000	10.424.512.621	(75.487.379)
- Công ty Cổ phần Famicare Hưng Yên (*)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.494.677.846	(5.322.154)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tiền Giang	10.500.000.000	10.436.345.662	(63.654.338)	10.500.000.000	10.449.630.981	(50.369.019)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Quảng Bình	10.500.000.000	10.039.646.175	(460.353.825)	10.500.000.000	10.258.332.496	(241.667.504)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Vĩnh Long	10.500.000.000	10.425.036.874	(74.963.126)	10.500.000.000	10.442.069.532	(57.930.468)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Trà Vinh	10.500.000.000	10.425.470.548	(74.529.452)	10.500.000.000	10.430.136.398	(69.863.602)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab An Giang	10.500.000.000	10.363.430.796	(136.569.204)	10.500.000.000	10.388.067.355	(111.932.645)
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tuyên Quang	10.500.000.000	10.377.154.299	(122.845.701)	10.500.000.000	10.395.620.259	(104.379.741)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (*)	14.700.000.000	13.479.864.315	14.700.000.000	13.673.560.534
- Công ty Cổ phần Phòng Khám Nghệ An	14.700.000.000	14.453.090.413	14.700.000.000	14.519.677.006
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Phòng	10.500.000.000	9.900.576.470	10.500.000.000	10.157.606.784
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bắc Ninh	10.500.000.000	10.443.303.352	10.500.000.000	10.447.977.065
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Quận 5	10.500.000.000	10.326.652.997	10.500.000.000	10.372.349.952
- Công ty Cổ phần Famicare Đồng Nai	3.500.000.000	3.405.001.069	3.500.000.000	3.410.350.985
- Công ty Cổ phần trung Tâm Xét nghiệm Golab Thanh Hóa	10.500.000.000	10.404.688.219	10.500.000.000	10.409.451.041
- Công ty Cổ phần trung Tâm Xét nghiệm Golab Gia Lai	6.000.000.000	5.798.254.474	6.000.000.000	5.959.605.038
- Công ty Cổ phần trung Tâm Xét nghiệm Golab Bắc Giang	15.311.000.000	15.195.958.921	15.311.000.000	15.217.136.987
- Công ty Cổ phần Famicare Hải Dương	3.500.000.000	3.471.005.388	3.500.000.000	3.477.002.235
- Công ty Cổ phần Famicare Quảng Bình (*)	3.500.000.000	3.467.930.475	3.500.000.000	3.475.517.452
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bình Dương (*)	2.900.000.000	2.870.504.790	2.900.000.000	2.871.988.911
- Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bắc Giang	4.411.000.000	4.404.048.005	4.411.000.000	4.406.390.102
- Công ty Cổ phần Famicare Hải Phòng (*)	1.000.000.000	982.470.263	1.000.000.000	986.238.287
Cộng	204.711.000.000	200.493.730.796	204.711.000.000	201.660.039.019
		(4.217.269.204)		(3.050.960.981)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(*) Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác được thành lập nhưng chưa hình thành hoặc không đáng kể các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tin chi tiết về các khoản Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và Đầu tư vào Công ty khác của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 chi tiết tại thuyết minh 1.5.

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	-	8.072.500.000
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Sóc Trăng	4.998.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	1.260.000.000	-
- Các khách hàng khác	1.774.073.924	535.913.924
Cộng	8.032.073.924	8.608.413.924

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	699.250.000	699.250.000
Cộng	699.250.000	699.250.000

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu kỳ (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
- Thuế GTGT đầu ra	-	41.295.352	41.295.352	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.051.320	-	122.051.320	-
- Thuế thu nhập cá nhân	9.494.984	5.650.002	13.039.430	2.105.556
Cộng	131.546.304	46.945.354	176.386.102	2.105.556
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số đầu kỳ (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	4.000.000	4.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Phải trả các bên liên quan	49.906.849	49.906.849
+ Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 - Lãi hỗ trợ vốn	49.906.849	49.906.849
- Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	461.981.369	300.303.287
+ Công ty Cổ phần Famicare Long An - Lãi hỗ trợ vốn	79.941.917	30.303.287
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Sara - Lãi hỗ trợ vốn	42.039.452	-
+ Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	340.000.000	270.000.000
Cộng	511.888.218	350.210.136

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Bảo hiểm xã hội	17.840.800	11.277.100
- Bảo hiểm y tế	2.393.875	1.235.575
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.235.023	655.873
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	672.794.524	667.610.524
Cộng	694.264.222	680.779.072

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác

	Số cuối kỳ (VND)	Trong kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)
		Tăng	Giảm	
	11.665.000.000	9.955.000.000	1.150.000.000	2.860.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	11.665.000.000	8.805.000.000	-	2.860.000.000
- Công ty Cổ phần Famicare Long An (1)	2.860.000.000	-	-	2.860.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Sara (2)	8.805.000.000	8.805.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	1.150.000.000	1.150.000.000	-
- Ông Nguyễn Hải Sơn	-	1.150.000.000	1.150.000.000	-
Cộng	11.665.000.000	9.955.000.000	1.150.000.000	2.860.000.000

(1) Hợp đồng hỗ trợ vốn số 1209/2025/HĐHT/FMLA-VINAM được ký ngày 12/09/2025 với số tiền vay hỗ trợ là 2.860.000.000 VND, lãi suất 3,5%/năm, thời hạn hỗ trợ là 6 tháng, phụ lục gia hạn số 1203/2026/HĐHTV/FMLA-VINAM ký ngày 12/03/2026 bổ sung gia hạn hợp đồng đến 11/09/2026. Mục đích hỗ trợ là phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Hợp đồng hỗ trợ vốn số 0204/2026/HĐHTV/BVSR-VINAM được ký ngày 02/04/2026 với số tiền vay hỗ trợ là 8.805.000.000 VND, lãi suất 2%/năm, thời hạn hỗ trợ là 6 tháng kể từ ngày ký. Mục đích hỗ trợ là phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	55.969.224.698	372.083.998.256
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(6.248.175.289)	(6.248.175.289)
Số dư cuối năm trước	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	49.721.049.409	365.835.822.967
Số dư đầu kỳ	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	49.721.049.409	365.835.822.967
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(4.647.044.900)	(4.647.044.900)
Số dư cuối kỳ	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	45.074.004.509	361.188.778.067

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	18.000.000.000	18.000.000.000
- Ông Nguyễn Minh Tuấn	20.000.000.000	20.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhung	14.951.000.000	14.951.000.000
- Các cổ đông khác	244.048.910.000	244.048.910.000
Cộng	296.999.910.000	296.999.910.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	296.999.910.000	296.999.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	296.999.910.000	296.999.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (CP)	Số đầu kỳ (CP)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.699.991	29.699.991
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.699.991	29.699.991
Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	29.699.991
Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP): 10.000 VNĐ/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	11.740.958.000	17.576.639.000
Cộng	11.740.958.000	17.576.639.000

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn hàng hóa đã bán	11.069.960.000	15.719.180.000
Cộng	11.069.960.000	15.719.180.000

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi	21.697	28.232
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các	4.635.000	327.025.000
- khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	4.656.697	327.053.232

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền vay	91.678.082	133.728.082
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.461.129.836	1.170.617.080
Cộng	1.552.807.918	1.304.345.162

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	261.333.333	248.333.330
Cộng	261.333.333	248.333.330

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	349.342.366	387.324.550
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	128.333.334
- Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	2.693.398.500	2.771.472.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.651.852	127.649.777
- Các chi phí khác bằng tiền	36.450.000	47.872.687
Cộng	3.345.842.718	3.466.652.848

6.7. Chi phí khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Thuế bị phạt	30.382.294	-
- Chi phí khấu hao không tham gia hoạt động sản xuất	128.333.334	-
- Chi phí khác	4.000.000	585.337
Cộng	162.715.628	585.337

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.647.044.900)	(2.835.404.445)
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Điều chỉnh tăng	162.715.628	128.918.671
+ Khấu hao TSCĐ	128.333.334	128.333.334
+ Chi phí không được khấu trừ	34.382.294	585.337
- Điều chỉnh giảm	-	-
- Thu nhập tính thuế TNDN	(4.484.329.272)	(2.706.485.774)

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí nhân công	610.675.699	635.657.880
Chi phí dự phòng	2.693.398.500	2.771.472.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.651.852	127.649.777
Chi phí bằng tiền khác	36.450.000	47.872.687
Cộng	3.607.176.051	3.582.652.844

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên/Ban kiểm soát:

	Chức danh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Ban Giám đốc			
Ông Ngô Văn Hưng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/03/2026)	6.666.666	-
Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2026)	210.000.000	210.000.000
Bà Bùi Thị Trang	Kế toán trưởng	120.000.000	-
Tổng		336.666.666	210.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp, hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Công ty con
Công Cổ phần Công nghệ cao G7	Công ty con
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Công ty con
Các công ty liên kết (Theo Thuyết minh số 1.5)	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7		
Phải trả tiền lãi vay	-	133.728.082
Trả tiền lãi vay	-	173.229.862
Trả tiền vay	-	7.009.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo		
Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	-	770.930.023
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Gia Lai		
Góp vốn	-	1.030.000.00
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Giang		
Góp vốn	-	3.636.000.000
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên		
Thu tiền bán hàng hóa	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Giang		
Thu tiền bán hàng hóa	-	31.200.000
(*)Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với bên liên quan được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 5.12.		

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Vinam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh phù hợp như sau:

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)	Số liệu sau điều chỉnh
TÀI SẢN				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	203.711.000.000	(14.311.000.000)	189.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	1.000.000.000	14.311.000.000	15.311.000.000

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Yên Sở, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Vinam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



PHẠM THỊ BÍCH LIÊN

BÙI THỊ TRANG

NGÔ VĂN HƯNG